

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày 11-7-2025

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi
ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Khang

Bà Phạm Thị Thao.

- Thư ký phiên tòa: Ông Văn Đức Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Quảng Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1030/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thùy T; nơi cư trú: Số C N, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng (nay là số C N, phường N, thành phố Hải Phòng). Có mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Đức K; nơi cư trú: Số C N, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng (nay là số C N, phường N, thành phố Hải Phòng). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn – chị Nguyễn Thùy T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Đức K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường M, quận N, thành phố Hải Phòng (nay là phường N, thành phố Hải Phòng) vào ngày 18/5/2022. Quá trình chung sống của vợ chồng hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình, cách sinh hoạt khác nhau, anh K chưa thực sự quan tâm đến vợ con. Kinh tế gia đình gặp khó khăn. Vợ

chồng thường xuyên cãi nhau nên dẫn đến không khí gia đình trở nên nặng nề, ảnh hưởng đến tâm lý của các con chung. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 12/2024 cho đến nay. Chị cùng các con trở về nhà bố mẹ đẻ chị sinh sống. Từ đó vợ chồng không quan tâm đến nhau, mỗi khi nói chuyện lại cãi vã, không có tiếng nói chung. Anh K có một hai lần đón chị về đoàn tụ nhưng anh K không thay đổi tính nết nên chị không về. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên gia đình hòa giải song không đạt kết quả. Đến nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Phạm Đức K càng sớm càng tốt, để chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh Phạm Đức K có hai con chung là: Phạm Tuệ A, sinh ngày 17/11/2022 và Phạm Tuệ K1, sinh ngày 12/11/2023. Hiện nay, sức khỏe các con chung bình thường và đang ở với chị. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị xin tự giải quyết với anh Phạm Đức K, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay, chị đang làm ở Công ty Cổ phần Đ với mức lương hàng tháng được khoảng từ 8 đến 9 triệu đồng/1 tháng, nếu tháng nào có thưởng và doanh thu bán hàng được nhiều thì được khoảng từ 10 đến 11 triệu đồng/1 tháng. Hiện nay, chị đang ở với bố mẹ đẻ chị. Bố mẹ chị có hai người con gái, chị gái chị đã đi xây dựng gia đình, sinh sống ở nơi khác. Khi chị nuôi con có bố mẹ đẻ hỗ trợ chăm sóc. Chị T đồng ý để anh Phạm Đức K thăm nom chăm sóc con khi vợ chồng ly hôn và chị nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh Phạm Đức K không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn – anh Phạm Đức K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị Nguyễn Thùy T trình bày là đúng. Quá trình chung sống của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến cuối năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị Nguyễn Thùy T không ven vén gia đình, thường xuyên về nhà bố mẹ đẻ. Do mâu thuẫn nên chị T cùng các con đã trở về nhà mẹ đẻ sinh sống. Mâu thuẫn vợ chồng làm cho không khí gia đình căng thẳng, ảnh hưởng đến tâm lý các con. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2025 đến nay, không quan tâm đến nhau. **Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nhưng vì con nên anh đề nghị chị T suy nghĩ lại,** không đồng ý ly hôn với chị T. Trường hợp nếu anh được nuôi một trong hai con chung thì anh sẽ đồng ý ly hôn với chị T. Tại phần tranh tụng tại phiên tòa: Anh Phạm Đức K đồng ý ly hôn với chị T với điều kiện chị T cho anh được thăm nom, chăm sóc con chung.

Về con chung: Anh đồng ý với chị T trình bày về họ tên, ngày, tháng, năm sinh, sức khỏe của con chung. Hiện nay các con chung đang ở với chị T và ông bà ngoại. **Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa,** trường hợp vợ chồng ly hôn, anh đề nghị được nuôi 01 trong 02 con chung. Tại

phần tranh tụng tại phiên tòa: Anh đồng ý để chị T nuôi dưỡng cả hai con chung khi vợ chồng ly hôn và anh được thăm nom chăm sóc con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh xin tự giải quyết với chị T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh hiện nay làm bảo vệ ở V, lương tháng từ 11.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng, trường hợp tăng ca thì lương 01 tháng từ 13.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng. Anh làm bảo vệ có phải làm ca đêm (từ 23 giờ đến 07 giờ sáng).

Về tài sản chung: Anh và chị Nguyễn Thùy T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về điều luật áp dụng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thùy T: Xử cho chị Nguyễn Thùy T ly hôn với anh Phạm Đức K. Về con chung: Giao hai con chung là Phạm Tuệ A, sinh ngày 17/11/2022 và Phạm Tuệ K1, sinh ngày 12/11/2023 cho chị Nguyễn Thùy T nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thùy T và anh Phạm Đức K xin tự giải quyết với nhau về việc cấp dưỡng nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thùy T và anh Phạm Đức K đều xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thùy T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về việc ly hôn, nuôi con khi ly hôn, nguyên đơn và bị đơn đều đang đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường N, thành phố Hải Phòng (trước là phường M, quận N, thành phố Hải Phòng) và bị đơn hiện nay đang sinh sống tại đây. Như vậy, theo quy định tại

khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng này là Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng.

- Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện: Chị Nguyễn Thùy T và anh Phạm Đức K xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND phường M, quận N, thành phố Hải Phòng (nay là phường N, thành phố Hải Phòng) vào ngày 18/5/2022, theo Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng hạnh phúc được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng không hợp nhau về tính cách và quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn vợ chồng trở lên trầm trọng hơn là kể từ đầu năm 2024, chị Nguyễn Thùy T trở về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Vợ chồng không quan tâm đến nhau, sống ly thân. Chị Nguyễn Thùy T và anh Phạm Đức K đều xác định tình cảm vợ chồng không còn. Tại phiên tranh tụng tại phiên tòa, anh Phạm Đức K đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thùy T với điều kiện chị T cho anh thăm nom chăm sóc con chung và chị Nguyễn Thùy T đồng ý. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị Nguyễn Thùy T và anh Phạm Đức K đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ nên cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thùy T, xử cho chị Nguyễn Thùy T ly hôn với anh Phạm Đức K.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thùy T và anh Phạm Đức K đều xác định có hai con chung là Phạm Tuệ A, sinh ngày 17/11/2022 và Phạm Tuệ K1, sinh ngày 12/11/2023. Hội đồng xét xử, xét thấy: Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ. Chị Nguyễn Thùy T có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung. Tại phiên tranh tụng tại phiên tòa: Anh Phạm Đức K đồng ý để chị T nuôi dưỡng cả hai con chung khi vợ chồng ly hôn và anh được thăm nom chăm sóc con chung sau khi ly hôn. Chị Nguyễn Thùy T đồng ý với ý kiến của anh K. Mặt khác, các con chung đều dưới 36 tháng tuổi, còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ và từ trước đến nay, các con chung đều ở với chị Nguyễn Thùy T. Ngoài ra, chị Nguyễn Thùy T có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Do đó để đảm bảo quyền lợi của con chung, cần giao cả hai con chung cho chị Nguyễn Thùy T nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thùy T và anh Phạm Đức K xin tự giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thùy T và anh Phạm Đức K đều xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thùy T là nguyên đơn nên chị Nguyễn Thùy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thùy T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thùy T ly hôn anh Phạm Đức K.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên là Phạm Tuệ A, sinh ngày 17/11/2022 và Phạm Tuệ K1, sinh ngày 12/11/2023 cho chị Nguyễn Thùy T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thùy T và anh Phạm Đức K xin tự giải quyết với nhau nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thùy T và anh Phạm Đức K đều xác định không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự: Chị Nguyễn Thùy T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011756 ngày 24 tháng 4 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3). Chị Nguyễn Thùy T đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thùy T, anh Phạm Đức K được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 3 – Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng (Phòng THADS khu vực 3);
- UBND phường Máy Chai (này là phường Ngô Quyền), thành phố Hải Phòng) (GCNKH số 32/2022 ngày 18/5/2022);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đình Hùng Nguyễn Thị Lan Hương

Vũ Thị Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Thúy Vũ Thị Minh Nguyệt

Đặng Hồ Điệp

